

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Anh Thư
2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **34/2021/TLST-HNGĐ** ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà T, ông P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày: Năm 2000, bà T và ông Huỳnh Tấn P quen biết, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An. Từ sau khi cưới, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, đến năm 2010 thì P sinh mâu thuẫn trầm trọng. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã không nói chuyện, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông P không kiếm tiền để lo cho vợ con và có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình. Nay bà T xác định không thể tiếp tục chung sống với ông P và yêu cầu được ly hôn. Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Lê Trọng N, sinh ngày 24/10/ 2000 và Huỳnh Lê Trọng B, sinh ngày 08/9/2003. Huỳnh Lê Trọng N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Huỳnh Lê Trọng B bà T yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng. Về tài sản

chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn P trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, nợ chung, con chung là đúng. Ông thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau về mọi mặt nhưng ông vẫn đi làm kiếm tiền lo cho gia đình. Do bà T không nói chuyện với ông nên ông không đưa ra được phương án hàn gắn. Trước yêu cầu ly hôn của bà T, ông không đồng ý do ông còn tình cảm với vợ, muốn tiếp tục chung sống, đoàn tụ để lo lắng cho các con. Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Lê Trọng N, sinh ngày 24/10/2000 và Huỳnh Lê Trọng B, sinh ngày 08/9/2003. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, ông tự nguyện để bà T tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, ông không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nhưng vẫn lo lắng cho con chung. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng các đương sự không thỏa thuận được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến phản đối không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Tấn P. Đây là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà T, xét thấy: Bà T quen biết với ông P rồi được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 33/2000. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, cuộc sống P sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2010 đến nay ông bà sống chung nhà nhưng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, đến năm 2018 thì không còn nói chuyện. Do đó, có cơ sở cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Huỳnh Lê Trọng Nhân, sinh ngày 24/10/2000 và Huỳnh Lê Trọng Bằng, sinh ngày 08/9/2003. Hiện nay, Huỳnh Lê Trọng N đã trưởng thành, Huỳnh Lê Trọng B đang sống chung nhà với bà T và ông P. Trường hợp được cho ly hôn bà T yêu cầu được nuôi cháu

Bằng, ông P đồng ý. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cháu Bằng có nguyện vọng muốn sống với mẹ, ông P và bà T không tranh chấp về vấn đề nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Huỳnh Lê Trọng B, sinh ngày 08/9/2003 cho bà T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung, có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T đối với ông Huỳnh Tấn P.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Huỳnh Tấn P.

Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Lê Trọng B, sinh ngày 08/9/2003 cho bà Lê Thị Thanh T nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Tấn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002767, ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà T đã nộp xong.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA-DS huyện Bến Lức;
- UBND NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thu